

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2025/HS-PT

Ngày: 04/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Hồ Sỹ Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 234/2025/TLPT-HS ngày 19/02/2025 đối với bị cáo Hoàng Thuỳ D bị xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2025/HS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị cáo có kháng cáo:

Hoàng Thuỳ D, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1988 tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nơi thường trú: Tổ 10 phường Tân T1, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở hiện tại: phường Hoàng Văn T2, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Giám đốc doanh nghiệp; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn B và bà Lê Thị V; có chồng là Nguyễn Quang H1 (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06/11/2017, D bị Công an thị xã Phổ Y (nay là Công an thành phố Phổ Y), tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi cầm cố tài sản. Ngày 07/11/2017, D đã nộp phạt xong; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/02/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thuỳ D: Luật sư Nguyễn Thị Kim Q,

Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Ngoài ra vụ án còn có bị hại và 05 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2021, Hoàng Thuỳ D nhờ anh Nguyễn Trung H2 thuê giúp D xe ô tô 07 chỗ - loại xe gầm cao để làm phương tiện đi lại, chi phí thuê xe do D chi trả. Vì trước đó D làm ăn thua lỗ nên không trực tiếp thuê được xe ở Thái Nguyên nên mới nhờ anh H2 thuê xe giúp. Anh H2 gọi điện cho bà Nguyễn Thị Lan A1 (bà Lan A1 là vợ của vợ anh H2) chuyên làm dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái, nói với bà Lan A1 là bạn anh H2 muốn thuê xe để làm phương tiện đi lại, bà Lan A1 đồng ý. Đến ngày 31/5/2021, anh H2 một mình đến nhà bà Lan A1 thỏa thuận thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner màu bạc, biển kiểm soát 88A - 096.35 với giá 18.000.000 đồng/01 tháng. Do khi cho thuê xe D không có mặt nên bà Lan A1 yêu cầu anh H2 là người đứng ra ký hợp đồng thuê xe, trong hợp đồng không thỏa thuận thời gian trả xe nhưng hàng tháng phải thanh toán đủ tiền thuê xe, khi hết 01 tháng mà không thanh toán đủ tiền thuê xe thì sẽ chấm dứt hợp đồng. Ký hợp đồng xong, anh H2 cho bà Lan A1 số điện thoại của D để hai bên liên hệ bàn giao xe còn anh H2 quay về thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái và gọi điện thông báo cho D biết là đã thuê được xe cho D đồng thời bảo D liên hệ với bà Lan A1 để lấy xe. Đến chiều tối cùng ngày, bà Lan A1 đã giao chiếc xe trên cho D cùng các giấy tờ liên quan, gồm sổ kiểm định an toàn chất lượng xe, bảo hiểm trách nhiệm dân sự, bản phô tô đăng ký xe có đóng dấu của ngân hàng. Sau khi nhận xe, D trực tiếp quản lý, sử dụng và thanh toán tiền thuê xe hàng tháng cho bà Lan A1. Trong 03 tháng đầu, D sử dụng số tài khoản 19032102430999 thuộc ngân hàng Techcombank đứng tên D thực hiện 03 lần chuyển tổng số tiền là 48.600.000 đồng đến số tài khoản 42510000809090 thuộc ngân hàng BIDV đứng tên bà Lan A1 để thanh toán tiền thuê xe cho bà Lan A1, cụ thể:

- Lần thứ 1: Ngày 05/7/2021, D chuyển số tiền 17.500.000 đồng cho bà Lan A1 để trả tiền thuê xe tháng 6/2021 (trừ tiền thay dầu xe là 500.000 đồng).

- Lần thứ 2: Ngày 09/8/2021, D chuyển số tiền 15.900.000 đồng cho bà Lan A1 để trả tiền thuê xe tháng 7/2021 (trừ tiền sửa xe là 2.100.000 đồng).

- Lần thứ 3: Ngày 23/10/2021, D chuyển số tiền 15.200.000 đồng cho bà Lan A1 để trả tiền thuê xe tháng 8/2021 (trừ tiền sửa xe là 2.800.000 đồng).

Từ tháng 09/2021 do không có tiền nên D không trả tiền thuê xe cho bà Lan A1. Bà Lan A1 nhiều lần đôn đốc D trả tiền thì D đều xin khát. Đến tháng

11/2021 do D không trả tiền thuê xe nên bà Lan A1 yêu cầu D phải trả lại xe. Vì muốn có xe ô tô để đi lại, nên ngày 23/12/2021, D chuyển khoản cho bà Lan A1 số tiền 10.000.000 đồng và ngày 17/3/2022, D chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng và tiếp tục xin khất nợ. Tính đến tháng 3/2022, D còn nợ tiền thuê xe của bà Lan A1 trong thời gian 06 tháng với tổng số tiền là 88.000.000 đồng (108.000.000 đồng - 20.000.000 đồng). Đến tháng 4/2022, tổng số tiền thuê xe D còn nợ là 106.000.000 đồng. Do bà Lan A1 đòi nhiều lần nên ngày 04/4/2022, D chuyển khoản cho bà Lan A1 7.000.000 đồng và còn nợ là 99.000.000 đồng.

Thời điểm này, D cũng đang nợ chị Nguyễn Hồng N ở phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên số tiền 160.000.000 đồng. D nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88A - 096.35 thuê của bà Lan A1 để vay tiền trả cho chị N. Do xe ô tô không đứng tên D và không có giấy đăng ký gốc nên ngày 06/4/2022, D nhờ anh Nguyễn Đức T3 là người D thuê làm chèn tìm người để D cầm cố xe. Anh T3 cho D số điện thoại của anh Nguyễn Anh T4 là bạn của T3 để D tự liên hệ. Buổi tối cùng ngày, D gọi điện cho Anh T4 (số điện thoại 0833.332.222) đặt vấn đề cầm cố xe để vay số tiền 115.000.000 đồng. Anh T4 đồng ý và hẹn gặp D ở chợ Túc D. Sau đó, D điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 88A - 096.35 đến khu vực chợ Túc D gặp Anh T4 và D đã viết giấy bán xe với nội dung D bán xe cho Anh T4 giá 400.000.000 đồng, Anh T4 trả trước 111.000.000 đồng, còn nợ lại 289.000.000 đồng, hẹn 10 ngày giao đăng ký gốc của xe thì Anh T4 chuyển nốt số tiền còn lại. Theo lời khai của D thì D thỏa thuận cầm cố chiếc xe này cho Anh T4 để vay 115.000.000 đồng, nhưng theo lời khai của Anh T4 thì D bán chiếc xe này cho Anh T4. Sau đó Anh T4 sử dụng số tài khoản 3333339963333 thuộc ngân hàng MB chuyển số tiền 111.000.000 đồng đến số tài khoản 0988151333 thuộc ngân hàng Techcombank của D, Anh T4 ghi nội dung chuyển tiền là “Mua xe fortuneer bien 88A 096 35”. Sau khi nhận được số tiền 111.000.000 đồng, D chuyển số tiền 110.000.000 đồng đến số tài khoản 2221616888 thuộc ngân hàng MB của chị Nguyễn Hồng N để trả nợ. Cùng ngày, D chuyển nốt số tiền 1.000.000 đồng đến số tài khoản 028223700002 thuộc ngân hàng Bưu Điện Liên Việt của chị Ngô Thị T5, trú tại phường Quang T6, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên để trả nợ. Khoảng 03 ngày sau, Anh T4 đưa 4.000.000 đồng tiền mặt cho anh T2 nhờ anh T2 chuyển số tiền này cho D. Đến đầu tháng 5/2022, nhiều lần bà Lan A1 yêu cầu D trả xe và tiền thuê xe nhưng do D không có tiền, còn xe thì đã cầm cố nên ngày 10/5/2022, D gọi điện bảo Anh T4 chuyển tiếp cho D số tiền 30.000.000 đồng. Mục đích của D là để trả tiền thuê xe cho bà Lan A1 nhằm tránh việc bà Lan A1 đòi xe cũng như phát hiện việc xe bị cầm cố. Anh T4 đồng ý và bảo D gọi điện cho bạn Anh T4 là anh Đàm Trung H2 để lấy tiền. Sau đó, D gọi điện cho anh Đàm Trung H2 để lấy 30.000.000 đồng. Do tài khoản của anh H2 chỉ còn 27.000.000 đồng nên anh H2 đã sử dụng số tài khoản 19033242660011 thuộc ngân hàng Techcombank chuyển số tiền 27.000.000 đồng đến số tài khoản 0988151333 thuộc ngân hàng Techcombank của D. Sau khi nhận được tiền, D

đã chuyển 26.000.000 đồng đến số tài khoản 42510000809090 thuộc ngân hàng BIDV của bà Lan A1 còn 1.000.000 đồng D chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 12/5/2022, D tiếp tục gọi điện cho anh Đàm Trung H2 bảo chuyển thêm 15.000.000 đồng. Cùng ngày, anh H2 sử dụng số tài khoản 19033242660011 thuộc ngân hàng Techcombank chuyển số tiền 15.000.000 đồng đến số tài khoản 0988151333 thuộc ngân hàng Techcombank của D. Ngày 20/5/2022, D chuyển số tiền 13.000.000 đồng đến số tài khoản 42510000809090 thuộc ngân hàng BIDV của bà Lan A1, số tiền 2.000.000 đồng còn lại, D tiêu sài cá nhân hết. Tính đến thời điểm 20/5/2022 thì D còn nợ bà Lan A1 số tiền thuê xe là 78.000.000 đồng.

Đến hạn trả tiền nhưng D không có tiền trả cho anh Nguyễn Anh T4 và anh Đàm Trung H2 nên Anh T4 bảo anh H2 tìm khách bán chiếc xe biển kiểm soát 88A - 096.35 để thu hồi số tiền đã cho D vay. Ngày 24/4/2022, anh Đàm Trung H2 đã bán xe ô tô này cho anh Dương Hữu C với giá 535.000.000 đồng, anh H2 và anh C thỏa thuận, anh C trả trước cho anh H2 số tiền 370.000.000 đồng, số tiền còn lại 165.000.000 đồng khi nào anh H2 giao giấy đăng ký gốc của xe thì anh C sẽ thanh toán nốt. Thời điểm này, bà Lan A1 nhiều lần gọi điện yêu cầu D trả xe và tiền thuê xe còn nợ là 78.000.000 đồng nhưng D không có xe để trả và cũng không trả được tiền nợ. Do chiếc xe trên của bà Lan A1 có lắp đặt thiết bị GPS (thiết bị định vị) nên qua theo dõi định vị, bà Lan A1 xác định xe di chuyển không đúng với lộ trình như D nói, nghi ngờ D không còn quản lý, sử dụng xe nên bà Lan A1 đã bảo anh Nguyễn Trung H2 liên lạc với D yêu cầu D trả xe, sau đó anh Nguyễn Trung H2 lên Thái Nguyên gặp D để hỏi về chiếc xe thì D thừa nhận là đã cầm cố xe. Sau đó, anh Nguyễn Trung H2 nói lại với bà Lan A1, bà Lan A1 đã làm đơn tố cáo D về hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 05/6/2022, Cơ quan điều tra đã tạm giữ từ anh Dương Hữu C xe ô tô biển kiểm soát 88A - 096.35, 01 giấy bán xe giữa Đàm Trung H2 và Dương Hữu C (bản chính); 01 giấy chứng nhận kiểm định số 0421651 (bản chính), 01 biên lai thu tiền phí sử dụng đường bộ (bản chính), 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự (bản chính), 01 giấy biên nhận gửi giữ số 100521 của ngân hàng VPBank chi nhánh Vĩnh Yên (bản chính).

Ngày 06/6/2022, sau khi làm việc với Cơ quan điều tra biết được chiếc xe trên không phải của D mà do D thuê của người khác nên anh Đàm Trung H2 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 370.000.000 đồng là tiền anh H2 bán xe cho anh C.

Ngày 20/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner màu bạc, biển kiểm soát 88A - 096.35. Tại Kết luận định giá tài sản số 1628/KL-HĐĐG ngày 19/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *Xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner màu bạc, BKS: 88A - 096.35 trị giá 600.000.000 đồng.*

Ngày 25/10/2022, D sử dụng số tài khoản 108872282888 thuộc ngân hàng Vietinbank của D chuyển số tiền 52.400.000 đồng cho Anh T4 thông qua số tài khoản 6888888988999 thuộc ngân hàng MB của anh Dương Minh C2, tại thị trấn Trại C3, huyện Đồng H, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình điều tra xác định tổng số tiền 52.400.000 đồng chuyển cho Anh T4 thì D trả nợ trước đó không liên quan đến việc cầm cố xe là 25.400.000 đồng và số tiền 27.000.000 đồng còn lại là D trả nợ tiền cầm cố xe cho Anh T4.

Ngày 04/01/2024, D tiếp tục chuyển khoản trả cho Anh T4 số tiền 60.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Nguyễn Thị Lan A1 không yêu cầu bị cáo Hoàng Thuỳ D bồi thường về dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Anh T4 yêu cầu bị cáo Hoàng Thuỳ D phải trả cho Anh T4 số tiền 115.000.000 đồng, bị cáo D đã trả cho Anh T4 số tiền 87.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 28.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đàm Trung H2 yêu cầu bị cáo Hoàng Thuỳ D phải trả cho anh H2 số tiền 42.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án thu giữ:

- Số tiền 370.000.000 đồng do anh Đàm Trung H2 giao nộp.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fotuner màu bạc, biển kiểm soát 88A-096.35, 01 giấy chứng nhận kiểm định số 0421651, 01 biên lai thu tiền phí sử dụng đường bộ, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự, 01 giấy biên nhận gửi giữ số 100521 của ngân hàng VPBank chi nhánh Vĩnh Yên. Quá trình điều tra, xác định đây là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Lan A1, ngày 25/7/2022 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe ô tô trên cùng các giấy tờ cho bà Nguyễn Thị Lan A1.

Tại bản Cáo trạng số 119/CT-VKS-P1 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Hoàng Thuỳ D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2025/HS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thuỳ D 12 (Mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 21/02/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/01/2025, bị cáo Hoàng Thuỳ D có đơn kháng cáo với nội dung

xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, không xuất trình tình tiết mới làm căn cứ xin giảm hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có hoàn cảnh khó khăn, nhân thân tốt, đã khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại. Bị cáo là dân tộc thiểu số, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm tuyên có phần nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ kháng cáo của bị cáo, kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Hoàng Thuỳ D 12 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, không oan. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo không xuất trình tình tiết mới làm căn cứ xin giảm hình phạt, bị cáo không đủ điều kiện để được áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của bị cáo, luật sư; ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hoàng Thuỳ D đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vật chứng vụ án và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 31/5/2021, Hoàng Thuỳ D nhờ anh Nguyễn Trung H2 thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Fortuner màu bạc, BKS 88A - 096.35 của bà Nguyễn Thị Lan A1 để sử dụng làm phương tiện đi lại. Tuy anh H2 là người ký hợp đồng thuê xe với bà Lan A1 nhưng bị cáo D là người trực tiếp quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô và trả tiền thuê xe cho bà Lan A1. Bị cáo D và bà Lan A1 thỏa thuận giá thuê xe là 18.000.000 đồng/01 tháng còn tiền thay dầu máy và tiền sửa xe định kỳ do bên cho thuê chịu. Do trước đó bị cáo cũng vay tiền của chị Nguyễn Hồng N và cũng đến thời hạn trả nhưng không có tiền nên bị cáo đã nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe ô tô thuê của bà Lan A1 để lấy tiền trả nợ cho chị N. Vì vậy, ngày 06/4/2022, bị cáo D đã cầm cố chiếc xe ô tô trên cho anh Nguyễn Anh T4 và anh Đàm Trung H2 với tổng số tiền là 157.000.000 đồng; D nói dối với Anh T4 và anh H2 là xe của D. Chiếc xe ô tô BKS 88A - 096.35 có trị giá 600.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Hoàng Thuỳ D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo

quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hoàng Thuỳ D: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo D 12 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo D. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị cáo Hoàng Thuỳ D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Thuỳ D; giữ nguyên quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2025/HS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc:

Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thuỳ D 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 21/02/2024.

Về án phí: Bị cáo Hoàng Thuỳ D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường

Hồ Sỹ Hưng

Lê Thị Thúy Bình

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo (theo đ/c);
- Lưu HS, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Lê Thị Thúy Bình